

Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021

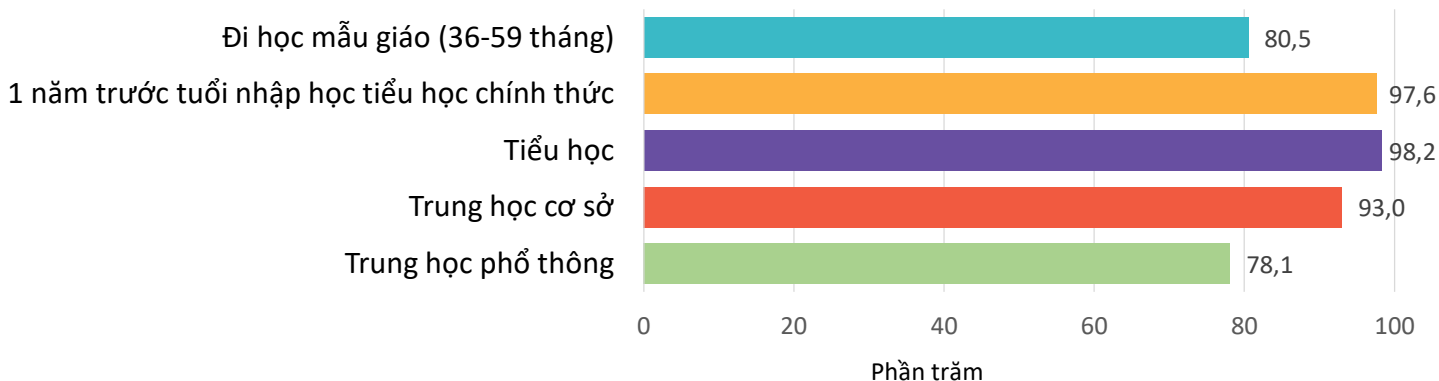


Giáo dục

Tỷ lệ đi học & Sự bất bình đẳng



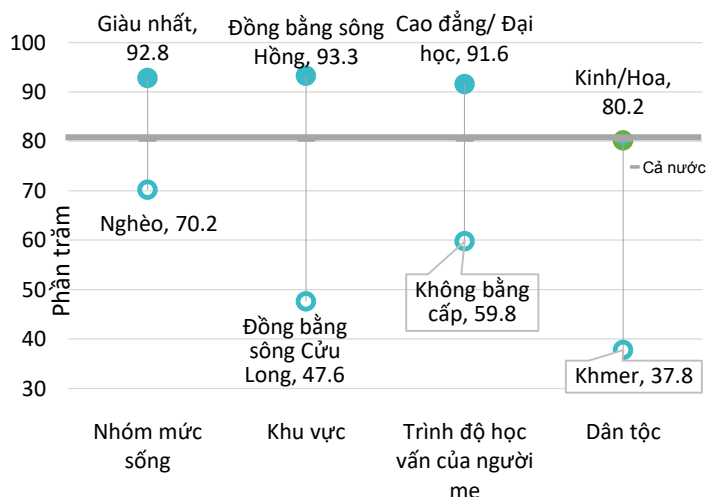
Tỷ lệ đi học đúng tuổi (đã điều chỉnh)



Phần trăm trẻ em trong độ tuổi quy định cho một cấp học đang học cấp học đó hoặc cao hơn, theo cấp học

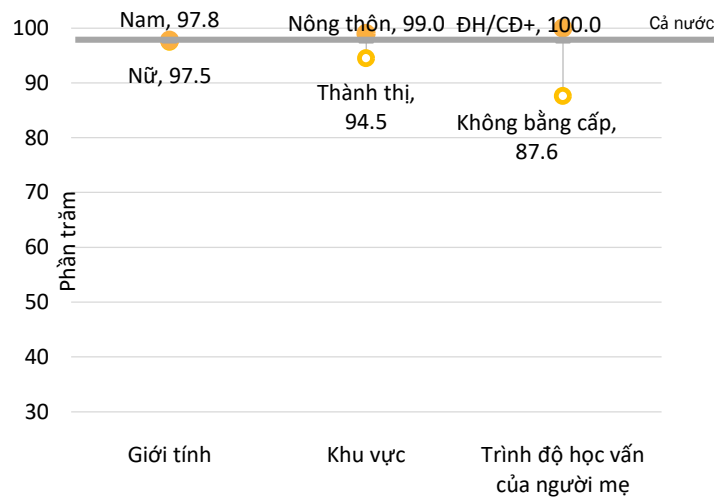
Sự bất bình đẳng trong đi học mẫu giáo & tham gia lớp học có tổ chức

Tỷ lệ đi học mẫu giáo (3-4 tuổi)



Phần trăm trẻ em từ 36-59 tháng tuổi đang đi học mẫu giáo

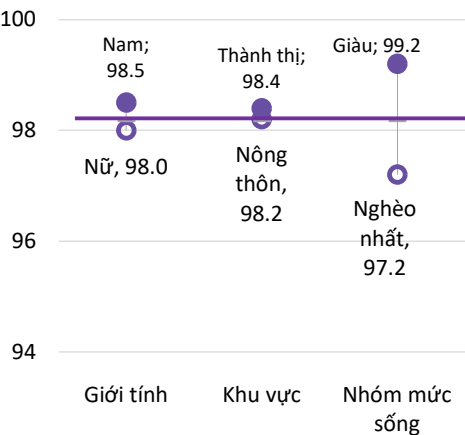
Tỷ lệ tham gia lớp học có tổ chức (1 năm trước tuổi nhập học tiểu học chính thức) SDG 4.2.2



Phần trăm trẻ em nhỏ hơn 1 tuổi so với độ tuổi chính thức đi học tiểu học vào đầu năm học hiện đang đi học mẫu giáo hoặc đi học tiểu học (tỷ lệ đi học đúng tuổi đã điều chỉnh)

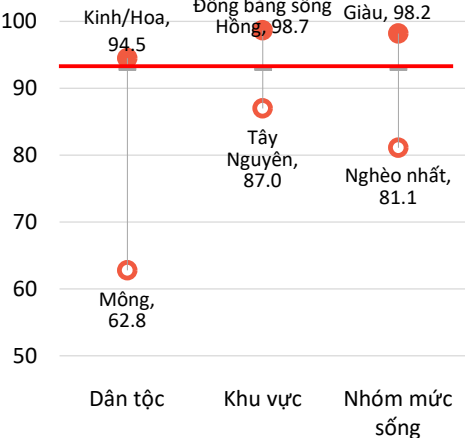
Sự bất bình đẳng về tỷ lệ đi học

Tỷ lệ đi học đúng tuổi tiểu học (đã điều chỉnh)



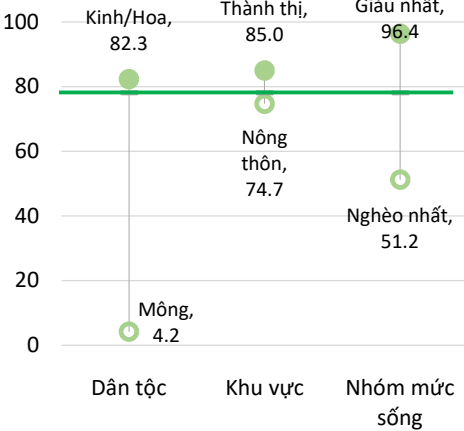
Phần trăm trẻ em trong độ tuổi tiểu học (vào đầu năm học) đang học tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trung học phổ thông

Tỷ lệ đi học đúng tuổi trung học cơ sở (đã điều chỉnh)



Phần trăm trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở (vào đầu năm học) đang học trung học cơ sở hoặc cấp học cao hơn

Tỷ lệ đi học đúng tuổi trung học phổ thông (đã điều chỉnh)



Phần trăm trẻ em trong độ tuổi trung học phổ thông (vào đầu năm học) đang học trung học phổ thông hoặc cấp học cao hơn

Số liệu vùng về tỷ lệ đi học đúng tuổi (đã điều chỉnh)

Vùng	Tỷ lệ đi học mẫu giáo (3-4 tuổi)	Tỷ lệ tham gia lớp học có tổ chức (5 tuổi)	Tỷ lệ đi học tiểu học (6-10 tuổi)	Tỷ lệ đi học trung học cơ sở (11-14 tuổi)	Tỷ lệ đi học trung học phổ thông (15-17 tuổi)
Cả nước	80,5	97,6	98,2	93,0	78,1
Đồng bằng sông Hồng	93,3	99,5	99,0	98,7	92,9
Trung du và miền núi phía Bắc	95,1	99,1	98,1	93,1	76,1
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	84,8	100,0	97,9	96,4	83,8
Tây Nguyên	74,2	98,2	97,2	87,0	63,8
Đông Nam Bộ	77,1	91,5	97,7	90,7	69,8
Đồng bằng sông Cửu Long	47,6	96,1	98,5	87,2	63,9

Thông điệp chính

• Đối với chỉ tiêu SDG 4.2.2, 97,6% trẻ em 5 tuổi tham gia các chương trình học tập có tổ chức, ở bậc mầm non (73,0%) hoặc tiểu học (24,6%). Tỷ lệ này ở thành thị (94,5%) thấp hơn ở nông thôn (99,0%). Mặc dù không có sự khác biệt đáng kể giữa trẻ em trai và trẻ em gái hoặc giữa các vùng nhưng tỷ lệ đi học có khác biệt khá rõ theo trình độ học vấn của người mẹ. Trẻ em có mẹ có trình độ học vấn từ cao đẳng/ đại học

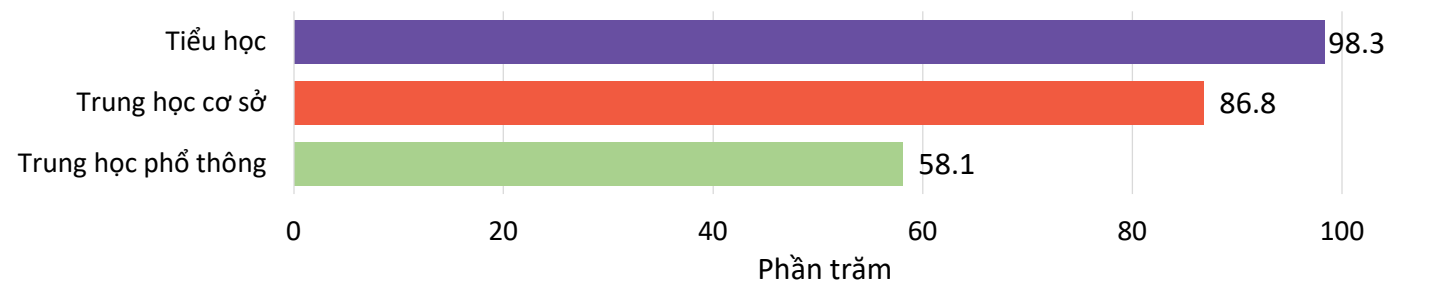
trở lên có nhiều khả năng tham gia các chương trình học tập có tổ chức hơn những trẻ có mẹ không có bằng cấp.

- Cứ 10 trẻ 3-4 tuổi thì có hơn 8 trẻ đi học mẫu giáo. Tỷ lệ đi học mẫu giáo có chênh lệch giữa các vùng, các nhóm mức sống, theo trình độ học vấn của người mẹ và các nhóm tuổi.
- Tỷ lệ đi học đúng tuổi ở cấp tiểu học khá cao trên cả nước và không chênh lệch nhiều giữa các

nhóm. Tuy nhiên, ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, tỷ lệ đi học đúng tuổi có tương quan thuận với nhóm mức sống của hộ gia đình và trình độ học vấn của người mẹ. Trẻ em sống ở hộ khá giả hơn và có mẹ có trình độ cao hơn có khả năng đi học đúng tuổi cao hơn các nhóm khác. Tỷ lệ này cũng khác nhau giữa các nhóm dân tộc, với tỷ lệ cao nhất ở nhóm Kinh/ Hoa và tỷ lệ thấp nhất ở nhóm dân tộc Mông.

Tỷ lệ hoàn thành cấp học: Chỉ tiêu SDG 4.1.2

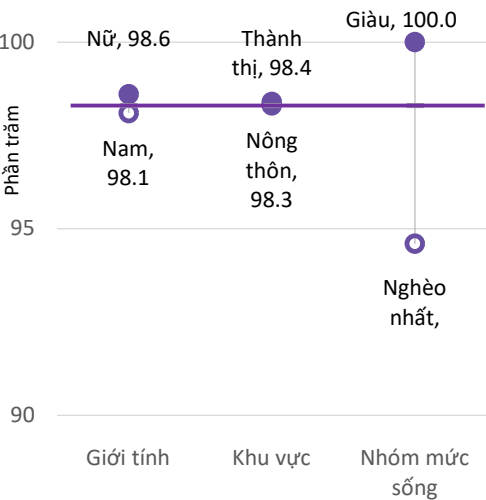
Phần trăm trẻ em từ 3-5 tuổi so với độ tuổi dự kiến vào lớp cuối cấp đã hoàn thành lớp cuối cấp đó, theo cấp học



Bất bình đẳng về tỷ lệ hoàn thành cấp học

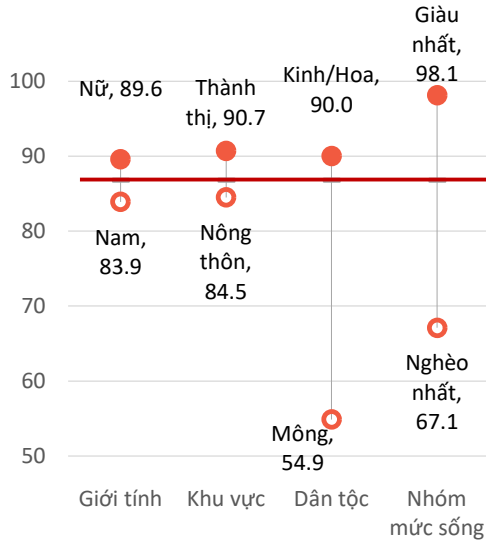
Tỷ lệ hoàn thành tiểu học

Phần trăm trẻ em có tuổi lớn hơn từ 3-5 tuổi so với độ tuổi dự kiến vào lớp cuối cấp tiểu học đã hoàn thành tiểu học



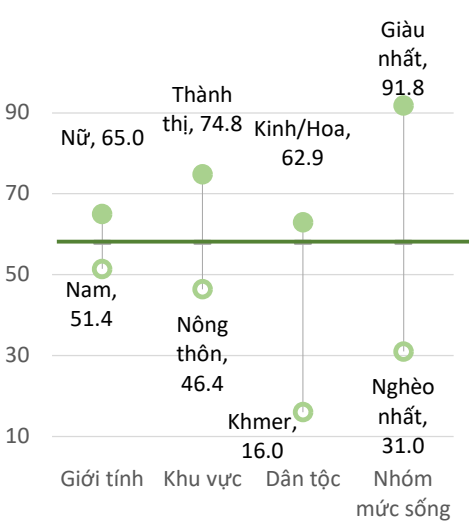
Tỷ lệ hoàn thành trung học cơ sở

Tỷ lệ trẻ em có tuổi lớn hơn từ 3-5 tuổi so với độ tuổi dự kiến vào lớp cuối cấp trung học cơ sở đã hoàn thành trung học cơ sở



Tỷ lệ hoàn thành trung học phổ thông

Tỷ lệ trẻ em có tuổi lớn hơn từ 3-5 tuổi so với độ tuổi dự kiến vào lớp cuối cấp trung học phổ thông đã hoàn thành trung học phổ thông

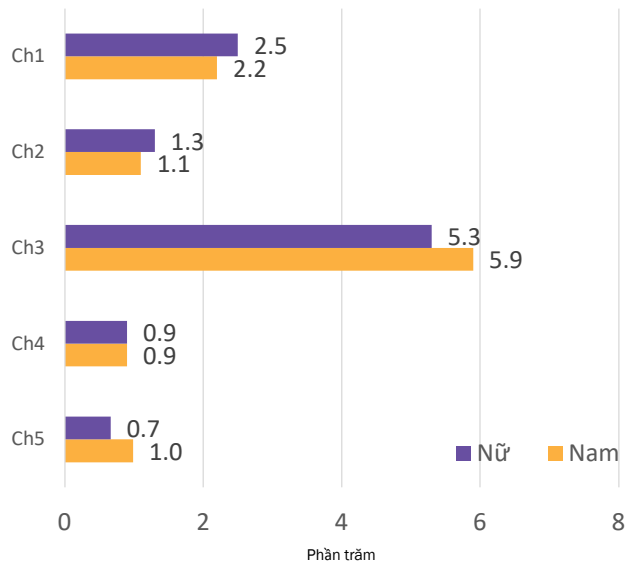


Số liệu vùng về tỷ lệ hoàn thành cấp học

Vùng	Tỷ lệ hoàn thành tiểu học (6-10 tuổi) (%)	Tỷ lệ hoàn thành trung học cơ sở (11-14 tuổi) (%)	Tỷ lệ hoàn thành trung học phổ thông (15-17 tuổi) (%)
Cả nước	98.3	86.8	58.1
Đồng bằng sông Hồng	99.7	98.9	76.5
Trung du và miền núi phía Bắc	96.5	85.5	41.7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	99.2	93.6	64.6
Tây Nguyên	95.4	68.0	31.0
Đông Nam Bộ	97.9	81.2	60.8
Đồng bằng sông Cửu Long	98.3	74.3	43.1

Trẻ em ngoài nhà trường

Các chiều về trẻ em ngoài nhà trường đối với các cấp học



Chiều 1: Trẻ em nhỏ hơn một tuổi so với tuổi nhập học tiểu học không đi học mẫu giáo hoặc tiểu học

Chiều 2: Trẻ em trong độ tuổi tiểu học không theo học bất kỳ cấp học nào

Chiều 3: Trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở không theo học bất kỳ cấp học nào

Chiều 4: Trẻ em đang học tiểu học nhưng có nguy cơ bỏ học (quá tuổi vào lớp từ 2 tuổi trở lên)

Chiều 5: Trẻ em đang học trung học cơ sở nhưng có nguy cơ bỏ học (quá tuổi vào lớp từ 2 tuổi trở lên)

Tóm tắt các chỉ tiêu SDG về giáo dục

Chỉ tiêu SDG	Chỉ tiêu MICS	Định nghĩa & Ghi chú	Trường giá trị		
			Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
4.1.2	LN.8a,b,c	Tỷ lệ hoàn thành cấp học	98,3%	86,8%	58,1%
4.5.1	LN.5a	Chỉ số bình đẳng về giới (tỷ lệ đi học, trẻ em gái/trẻ em trai)	0,99	1,00	1,03
4.5.1	LN.5b	Chỉ số bình đẳng về nhóm mức sống (tỷ lệ đi học, nghèo nhất/giàu nhất)	0,98	0,83	0,53
4.5.1	LN.5c	Chỉ số bình đẳng về khu vực (tỷ lệ đi học, nông thôn/ thành thị)	0,99	0,97	0,88
			Chung	Trẻ em trai	Trẻ em gái
4.2.2	LN.2	Tỷ lệ tham gia lớp học có tổ chức (1 năm trước tuổi nhập học tiểu học chính thức)	97,6%	97,8%	97,5%

Thông điệp chính

- Ở cấp học càng cao, tỷ lệ hoàn thành cấp học càng giảm. Cả nước, 98,3% trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học, 86,8% hoàn thành chương trình trung học cơ sở, nhưng chỉ có 58,1% hoàn thành chương trình trung học phổ thông.
 - Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, hầu như không có sự khác biệt giữa trẻ em gái và trẻ em trai, tuy nhiên ở cấp trung học phổ thông, chỉ có 51,4% trẻ em trai hoàn thành chương trình học so với 65,0% ở trẻ em gái.
- Có sự khác biệt về tỷ lệ hoàn thành chương trình trung học cơ sở và trung học phổ thông của trẻ em giữa khu vực nông thôn và thành thị, với khoảng cách chênh lệch lớn hơn đối với trung học phổ thông.
 - Ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, tỷ lệ hoàn thành có tương quan thuận với nhóm mức sống của hộ gia đình và trình độ học vấn của người mẹ. Trẻ em thuộc hộ gia đình giàu hơn, có mẹ có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng hoàn thành
- trung học cơ sở và trung học phổ thông cao hơn so với các nhóm trẻ còn lại.
 - Về dân tộc, trẻ em dân tộc Khmer và Mông có khả năng hoàn thành chương trình trung học cơ sở và trung học phổ thông thấp hơn so với trẻ em thuộc các dân tộc khác.

Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ (SDGCW) Việt Nam được Tổng cục Thống kê thực hiện trong năm 2020-2021 trong khuôn khổ chương trình MICS toàn cầu của UNICEF với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của UNICEF và UNFPA.

Mục tiêu của tài liệu tóm lược này là phổ biến những phát hiện được chọn lọc từ Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 liên quan đến Giáo dục. Dữ liệu từ bản tóm tắt này được trích dẫn từ Bảng LN.1.1, LN.1.2, LN.2.3, LN.2.4, LN.2.5 , LN.2.6, và LN.2.7 trong Báo cáo kết quả điều tra.

Các tài liệu tóm lược chủ đề khác và Báo cáo kết quả tóm tắt về cuộc điều tra này và các cuộc điều tra khác được đăng tải trên mics.unicef.org/surveys